**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP LỊCH SỬ 11.HKII**

**BÀI 21 PHONG TRÀO YÊU NƯỚC CHỐNG PHÁP TRONG NHỮNG NĂM CUỐI THẾ KỈ XIX**

1. Hiệp ước nào đánh dấu thực dân Pháp đã hoàn thành về cơ bản cuộc xâm lược Việt Nam?

A. Hiệp ước năm 1874.

B. Hiệp ước Hácmăng năm 1883.

C. Hiệp ước Patơnôt năm 1884.

D. Hiệp ước Hácmăng năm 1883 và Patơnôt năm 1884.

2. Phong trào Cần Vương bùng nổ trong hoàn cảnh nào?

A. Thực dân Pháp thiết lập chính quyền thực dân ở Bắc Kì và Trung Kì.

B. Một số quan lại, văn thân, sĩ phu còn kháng cự.

C. Phong trào kháng chiến của nhân dân lên cao.

D. Cuộc tấn công vào đồn Mang Cá và toà Khâm của phái chủ chiến thất bại.

3. Trong giai đoạn đầu (1885 – 1888), phong trào Cần vương diễn ra

A. trên phạm vi rộng lớn.

B. chủ yếu ở Bắc Kì.

C. chủ yếu ở Trung Kì.

D. chủ yếu ở Nam Kì.

4. Trong giai đoạn sau (1888 – 1896), phong trào Cần vương được sự lãnh đạo trực tiếp của

A. tầng lớp văn thân, sĩ phu.

B. triều đình.

C. các thủ lĩnh nông dân.

D. các thủ lĩnh dân tộc thiểu số.

5. Cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy có hai căn cứ chính là

A. Bãi Sậy và Sông Hai.

B. Bãi Sậy và Hương Khê.

C. Hương Khê và Yên Thế.

D. Yên Thế và Sông Hai.

6. Địa bàn hoạt động của nghĩa quân Bãi Sậy chủ yếu ở

A. vùng đồng bằng Bắc bộ.

B. vùng trung du Bắc bộ.

C. vung Đông bắc Bắc bộ.

D. các tuyến giao thông thuỷ - bộ ở đồng bằng Bắc bộ.

7. Phan Đình Phùng và Cao Thắng là những thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa nào?

A. Khởi nghĩa Bãi Sậy.

B. Khởi nghĩa Hương Khê.

C. Khởi nghĩa Yên Thế.

D. Khởi nghĩa Ba Đình.

8. Địa bàn hoạt động chủ yếu của cuộc khởi nghĩa Hương Khê là

A. Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

B. Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị.

C. Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị.

D. Nghệ An, Thanh Hoá, Quảng Bình, Quảng Trị.

9. Hoàng Hoa Thám là thủ lĩnh của cuộc khởi nghĩa nào?

A. Khởi nghĩa Bãi Sậy.

B. Khởi nghĩa Hương Khê.

C. Khởi nghĩa Yên Thế.

D. Khởi nghĩa Ba Đình.

10. Lực lượng chủ yếu của khởi nghĩa Yên Thế là

A. nông dân và các dân tộc thiểu số.

B. chủ yếu các dân tộc thiểu số.

C. nông dân trung du Bắc Kì.

D. binh lính và nông dân.

11. Tính chất của phong trào Cần vương là

A. phong trào yêu nước theo hệ tư tưởng phong kiến.

B. phong trào nông dân tự phát.

C. phong trào yêu nước theo hệ tư tưởng tư sản.

D. phong trào yêu nước xu hướng vô sản.

12. Sau hai hiệp ước Hác-măng và Pa-tơ-nốtthực dân Pháp gặp nhiều khó khăn trong việc thiết lập chế độ bảo hộ và chính quyền thực dân trên đất nước ta vi

A. phong trào phản kháng quyết liệt của nhân dân ta.

B. Pháp tập trung lực lượng đối phó với phe chủ chiến.

C. tình hình nước Pháp gặp nhiều khó khăn.

D. phe chủ chiến quyết tâm chống Pháp.

13. Người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 – 1892) là:

1. Đinh Gia Quế về sau là Nguyễn Thiện Thuật
2. Phan Đình Phùng.
3. Hoàng Hoa Thám.
4. Phạm Bành và Đinh Công Tráng

14. Người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 – 1892) là:

 A. Đinh Gia Quế về sau là Nguyễn Thiện Thuật

B.Phan Đình Phùng.

C.Hoàng Hoa Thám.

D.Phạm Bành và Đinh Công Tráng.

15. Trong các phong trào chống Pháp cuối thế kỷ XIX đầu XX, phong trào kéo dài lâu nhất là:

A.Khởi nghĩa Ba Đình

B.Khởi nghĩa Bãi Sậy

C.Khởi nghĩa Hương Khê

D.Khởi nghĩa Yên Thế

16. Phong trào nào sau đây được xem là phong trào Cần Vương tiêu biểu:

A. khởi nghĩa Ba Đình.

B. khởi nghĩa Bãi Sậy.

C. khởi nghĩa Hương Khê.

D. khởi nghĩa Yên Thế.

17. Nguyên nhân bùng nổ của phong trào Yên Thế do nông dân

A. muốn giúp vua cứu nước.

B. bị vua quan phong kiến áp bức nặng nề.

C. muốn lật đổ vương triều nhà Nguyễn.

D. căm thù Pháp, chống Pháp để bảo vệ cuộc sống tự do.

18. Trong các phong trào chống Pháp cuối thế kỷ XIX đầu XX, phong trào kéo dài lâu nhất là

A. khởi nghĩa Ba Đình.

B. khởi nghĩa Bãi Sậy.

C. khởi nghĩa Hương Khê.

D. khởi nghĩa Yên Thế.

19. Phái chủ chiến đứng đầu là Tôn Thất Thuyết tổ chức cuộc phản công quân Pháp ở Kinh thành Huế và phát động phong trào Cần Vương dựa trên cơ sở

A. sự đồng tâm nhất trí trong hoàng tộc.

B. sự ủng hộ của triều đình Mãn Thanh.

C. sự ủng hộ của binh lính

D. sự ủng hộ của nhân dân và quan lại chủ chiến.

20. Phong trào Cần Vương diễn ra trong thời gian

A.1885-1895.

B.1880-1895.

C.1885-1896.

D.1885-1895.

21. Chiếu Cần vương được đông đảo nhân dân hưởng ứng vì

A. đó là chiếu chỉ của nhà vua yêu nước đại diện cho triều đình kháng chiến.

B. nhân dân oán giận bộ phận vua quan nhu nhược và căm thù Pháp.

C. kêu gọi nhân đứng lên chống Pháp, khôi phục quốc gia phong kiến.

D. kêu gọi nhân đứng lên chống Pháp, xây dựng quốc gia theo thể chế quân chủ lập hiến.

22. Ý nào không phản ánh đúng đặc điểm của phong trào Cần vương trong giai đoạn hai (1888 – 1896)?

A. Phong trào không còn sự lãnh đạo của triều đình.

B. Phong trào tiếp tục phát triển sôi nổi.

C. Phong trào qui tụ thành những trung tâm kháng chiến lớn.

D. Bùng nổ hàng trăm cuộc khởi nghĩa, lan ra cả nước.

23. Điểm khác biệt giữa phong trào nông dân yên Thế với phong trào Cần vương là

A. giai cấp lãnh đạo.

B. nguyên nhân bùng nổ.

C. lực lượng tham gia.

D. mục tiêu đấu tranh.

24. Bài học kinh nghiệm rút từ những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của phong trào Cần vương là

A. dựa vào địa hình xây dựng căn cứ.

B. đoàn kết với các dân tộc thiu số.

C. chiến thuật đánh du kích.

D. về giai cấp lãnh đạo.

25. Nhược điểm lớn nhất của phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX là

A. thiếu tổ chức và lãnh đạo không thống nhất.

B. hậu cần thiêu thốn, trang bị vũ khí thô sơ.

C. thiếu một lực lượng lãnh đạo tiến tiến.

D. chưa động viên được tất cả các tầng lớp xã hội tham gia.

**Bài 22: XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG CUỘC KHAI THÁC LẦN THỨ NHẤT**

**CỦA THỰC DÂN PHÁP (1897-1914)**

Câu 1. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp công nhân Việt Nam được hình thành chủ yếu từ giai cấp nào dưới đây?

A. Địa chủ. B. Nông dân. C. Binh lính. D. Tiểu tư sản.

Câu 2. Cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp ở Việt Nam tập trung chủ yếu vào lĩnh vực nào?

A. Kinh tế. B. Chính trị. C. Văn hóa. D. Xã hội.

Câu 3. Thực dân Pháp xây dựng nhiều công trình giao thông trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam nhằm

A. khai hóa, mở mang cho Việt Nam.

B. thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam phát triển.

C. thực hiện âm mưu khai thác và cai trị lâu dài.

D. giúp Việt Nam xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại.

Câu 4. Thủ đoạn nào được thực dân Pháp thực hiện để khai thác nông nghiệp trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất?

A. Mua ruộng đất của nông dân.

B. Ép triều Nguyễn phải “nhượng” quyền “khai khẩn đất hoang”.

C. Xây dựng nhiều công trình giao thông (đường sá, nhà ga, bến cảng…)

D. Ưu tiên xuất khẩu lúa gạo của Việt Nam sang thị trường Pháp và các nước Tây Âu.

Câu 5. Mục đích của thực dân Pháp trong chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam là

A. bù đắp thiệt hại của Pháp sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

B. phục vụ nhu cầu phát triển của chủ nghĩa tư bản Pháp.

C. phục vụ nhu cầu phát triển của kinh tế Việt Nam.

D. khôi phục địa vị của Pháp trong thế giới tư bản.

Câu 6. Năm 1897, đánh dấu sự kiện quan trọng nào trong tiến trình xâm lược và bóc lột thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam?

A. Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam.

B. Pháp hoàn thành quá trình xâm lược Việt Nam.

C. Pháp đán áp xong phong trào Cần Vương.

D. Pháp tiến hành chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất.

Câu 7. Trong chương trình khai thác lần thứ nhất ở Việt Nam thực dân Pháp tập trung bỏ vốn vào khai thác công nghiệp

A. cơ khí. B. chế tạo máy.

C. hóa chất, năng lượng. D. khai thác mỏ và chế biến.

Câu 8. Xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX gồm các tầng lớp và giai cấp chủ yếu nào?

A. Địa chủ, nông dân.

B. Địa chủ, nông dân, công nhân.

C. Địa chủ, nông dân, công nhân, tư sản.

D. Địa chủ, nông dân, công nhân, tư sản, tiểu tư sản,

Câu 9. Nội dung nào dưới đây không phản ánh đúng tình hình chuyển biến xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX?

A. giai cấp tư sản bị phân hóa sâu sắc thành tư sản mại bản và tư sản dân tộc.

B. giai cấp nông dân bị mất ruộng đất trở nên bần cùng hóa.

C. giai cấp tư sản được hình thành.

D. giai cấp công nhân được ra đời.

Câu 10. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp được tiến hành trong hoàn cảnh lịch sử nào?

A. Thực dân Pháp đã cơ bản bình định xong Việt Nam về quân sự.

B. Thực dân Pháp chịu tổn thất nặng nề của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

C. Thực dân Pháp cần chuẩn bị đầy đủ cho Chiến tranh thế giới thứ nhất.

D. Các nước tư bản Âu-Mỹ bắt đầu đẩy mạnh xâm lược thuộc địa.

Câu 11. Sau khi đàn áp xong phong trào Cần Vương, thực dân Pháp đã có hành động gì?

A. Xâm lược Bắc kì lần thứ nhất.

B. Bắt triều Nguyễn kí Hiệp ước Hác Măng.

C. Tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất.

C. Bắt triều Nguyễn mở cửa biển Đà Nẵng để buôn bán.

Câu 12. Pôn-Đume là người Pháp đã

A. đưa quân đánh chiếm thành Gia Định (1859).

B. đưa quân đánh các tỉnh Bắc kì lần thứ nhất (1873)

C. đưa quân đánh cửa biển Thuận An (1883).

D. đưa ra chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897).

Câu 13. Lực lượng đông đảo nhất trong xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX là

A. giai cấp địa chủ phong kiến. B. giai cấp nông dân.

C. giai cấp công nhân. D. giai cấp tư sản.

Câu 14. Mục tiêu đấu tranh chủ yếu của giai cấp công nhân Việt Nam khi mới ra đời là

A. đòi độc lập dân tộc. B. đòi ruộng đất cho nông dân.

C. đòi quyền lợi kinh tế. D. đòi thành lập chính đảng vô sản.

Câu 15. Hình ảnh dưới đây phản ánh tình cảnh giai cấp nông dân Việt Nam trong giai đoạn lịch sử nào?



A. Nông dân Việt Nam thời phong kiến độc lập.

B. Nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống Pháp.

C. Nông dân Việt Nam thời kì Pháp thuộc.

D. Nông dân Việt Nam thời kì Bắc thuộc.

Câu 16. Hình ảnh dưới đây là địa danh nào ở Hà Nội đầu thế kỉ XX?



A. Nhà Hát Lớn. B. Ga Hà Nội.

C. Ngân hàng Đông Dương. D. Bắc Bộ Phủ.

Câu 17. Cho bảng dữ liệu sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Cột (I) | Cột (II) |
| 1) Nông nghiệp | a-Xây dựng nhiều cây cầu lớn (Long Biên, Tràng Tiền…) |
| 2) Công nghiệp | b-Cướp ruộng đất lập đồn điền |
| 4) Giao thông vận tải | c-Tập trung đầu tư vào khai thác mỏ, chế biến… |

 Hãy lựa chọn phương án trả lời đúng nhất thể hiện mối quan hệ giữa lĩnh vực ở cột (I) và chính sách khai thác ở cột (II) trong chương trình khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp.

A. 1-a, 2-b, 3-c. B. 1-b, 2-c, 3-a. C. 1-b, 2-a, 3-c. D. 1-a, 2-c, 3-a.

Câu 18. Với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa (1) du nhập vào Việt Nam. Tuy vậy, khi tiến hành khai thác, thực dân Pháp vẫn (2) phương thức bóc lột phong kiến.

 Hãy lựa chọn phương án trả lời đúng nhất để hoàn thiện nhận định về chuyển biến kinh tế Việt Nam đầu thế kỉ XX.

A. (1)-ồ ạt, (2)-duy trì. B. (1)-từng bước, (2)-loại bỏ.

C. (1)-từng bước, (2)-duy trì. D. (1) ồ ạt, (2)-loại bỏ.

Câu 19. Dưới tác động của chương trình khai thác lần thứ nhất, thái độ của giai cấp địa chủ Việt Nam đối với thực dân Pháp như thế nào?

A. Hầu hết làm tay sai cho thực dân Pháp, phản bội lại dân tộc.

B. Kiên quyết đứng về phía nhân dân chống thực dân Pháp giành độc lập dân tộc.

C. Biết ơn thực dân Pháp và cùng hợp tác với Pháp để làm giàu cho đất nước.

D. Một bộ phận làm tay sai, bộ phận khác giữ thái độ bất hợp tác và có tinh thần chống Pháp.

Câu 20. Dưới tác động của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất, kinh tế Việt Nam chuyển biến

A. theo hướng bị kìm hãm và phụ thuộc chặt chẽ vào kinh tế Pháp.

B. theo hướng độc lập, không phụ thuộc vào kinh tế Pháp.

C. theo hướng phát triển mạnh mẽ kinh tế tư bản.

D. theo hướng hợp tác cùng phát triển với Pháp

Câu 21. Đặc điểm nổi bật của kinh tế Việt Nam dưới tác động của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất là

A. quan hệ sản xuất tư bản được du nhập đầy đủ vào Việt Nam.

B. quan hệ sản xuất phong kiến được hỗ trợ bởi quan hệ sản xuất tư bản.

C. quan hệ sản xuất phong kiến được thay thế hoàn toàn bởi quan hệ sản xuất tư bản.

D. quan hệ sản xuất tư bản được du nhập và tồn tại đan xem với quan hệ sản xuất phong kiến.

Câu 22. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp không chỉ làm (1) những giai cấp cũ trong xã hội mà còn làm (2) những lực lượng xã hội mới.

 Hãy lựa chọn phương án trả lời đúng nhất để hoàn thiện nhận định trên về xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX.

A. (1)-mất đi, (2)-xuất hiện. B. (1)-mất đi, (2)-phân hóa.

C. (1)-phân hóa, (2)-xuất hiện. D. (1)-phân hóa, (2)-phân hóa.

Câu 23. Cho các sự kiện sau:

1) Thực dân Pháp nổ súng đánh Bắc kì lần thứ nhất.

2) Thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm thành Gia Định.

3) Thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất.

4) Thực dân Pháp hoàn thành đàn áp phong trào Cần Vương.

Sắp xếp các sự kiện lịch sử dưới đây sao cho đúng trật tự thời gian.

A. 1-2-3-4. B. 2-1-4-3. C. 3-4-1-2. D. 4-3-2-1.

Câu 24. Yêu cầu số một của giai cấp nông dân Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là

A. đòi cải cách ruộng đất.

B. đòi giảm tô, giảm thuế.

C. đòi độc lập dân tộc.

D. đòi giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng đất công

Câu 25. Hệ quả lớn nhất về mặt xã hội của chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp là

A. làm xuất hiện những tầng lớp xã hội mới đầu thế kỉ XX.

B. làm phân hóa sâu sắc các tầng lớp xã hội cũ.

C. làm nảy sinh những quan hệ bóc lột mới.

D. tạo ra những điều kiện bên trong cho cuộc vận động giải phóng dân tộc theo xu hướng mới đầu thế kỉ XX.

**BÀI 23: PHONG TRÀO YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG Ở VIỆT NAM**

**TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT**

Câu 1: Đầu thế kỉ XX, luồng tư tưởng mới được truyền bá vào Việt Nam là

A. xu hướng dân chủ tư sản.

B. ý thức hệ phong kiến.

C. xu hướng vô sản.

D. khuynh hướng tư sản, vô sản.

Câu 2: Lãnh đạo phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX là giai tầng nào?

A. Sĩ phu yêu nước.

B. Công nhân.

C. Tư sản.

D. Địa chủ phong kiến.

Câu 3: Khi khởi xướng phong trào yêu nước, Phan Bội Châu dựa theo hình mẫu nào?

A. Nhật Bản.

B. Trung Quốc.

C. Pháp.

D. Liên Xô.

Câu 4: Tổ chức đầu tiên do Phan Bội Châu thành lập là

A. Hội Duy tân.

B. hong trào Đông Du.

C. Việt Nam Quang phục hội.

D. Phong trào Duy tân.

Câu 5: Hội Duy tân của Phan Bội Châu đã đề ra chủ trương

A. đánh đuổi Pháp, giành độc lập, thiết lập chính thể quân chủ lập hiến.

B. đánh đuổi giặc Pháp, thành lập nước Cộng hòa Dân chủ Việt Nam.

C. nâng cao dân trí, dân quyền, giành độc lập.

D. đánh đổ triều Nguyễn, khôi phục nước Việt Nam.

Câu 6: Hoạt động chủ yếu của Hội Duy tân thông qua

A. phong trào Đông Du.

B. phong trào Duy tân.

C. phong trào chống thuế.

D. cuộc vận động Duy tân về mọi lĩnh vực trong kinh tế.

Câu 7: Biệt hiệu của Phan Bội Châu

A. Sào Nam

B. Hải Thụ.

C. Tây Hồ.

D. Hy Mã

Câu 8: Tác giả của vở kịch “Bình tây thu Bắc”

A. Phan Bội Châu.

B. Phan Chu Trinh.

C. Huỳnh Thúc Kháng.

D. Trần Quý Cáp.

Câu 9: Sắp xếp dữ liệu dưới đây theo thứ tự thời gian

1. Chính phủ Nhật Bản trục xuất du học sinh Việt Nam về nước.

2. Hội Duy tân được thành lập.

3. Việt Nam Quang phục hội thành lập.

4. Phan Bội Châu bị giới quân phiệt Trung Quốc bắt giam ở nhà tù Quảng Đông.

A. 2-1-3-4.

B. 1-2-3-4.

C. 4-2-1-3.

Câu 10: Cuộc vân động Duy tân ở Trung Kì nổ ra đầu tiên ở tỉnh

A. Quảng Nam.

B. Hà Nội.

C. Nghệ An.

D. Phan Thiết

Câu 11: Tại sao vào đầu thế kỉ XX, xuất hiện con đường cứu nước theo xu hướng dân chủ tư sản?

A. Do xuất phát từ lòng yêu nước và xuất hiện những giai tầng mới trong xã hội.

B. Do phong trào cứu nước theo ý thức hệ phong kiến không giành thắng lợi.

C. Sự truyền bá của các tân thư, tân văn vào Việt Nam.

D. Do ảnh hưởng của cuộc Duy tân ở Nhật Bản.

Câu 12: Vì sao lực lượng tư sản không nắm vai trò lãnh đạo phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX?

A. Do lực lượng non yếu, chưa hình thành giai cấp và bị thực dân, tư bản Pháp chèn ép.

B. Do không có tinh thần yêu nước, quyền lợi gắn chặt với thực dân Pháp.

C. Do tập trung phát triển kinh tế để làm giàu.

Câu 13: Biện pháp cứu nước chủ yếu của Phan Bội Châu theo xu hướng

A. Bạo động.

B. Cải cách.

C. Ám sát cá nhân.

D. đấu tranh chính trị.

Câu 14: Biện pháp cứu nước chủ yếu của Phan Châu Trinh theo xu hướng

A. Bạo động

B. Cải cách.

C. Ám sát cá nhân.

D. đấu tranh chính trị.

Câu 15: Mục tiêu cứu nước của Phan Bội Châu

A. Chống Pháp giành độc lập.

B. Dựa Pháp giành độc lập.

C. Chống phong kiến giành độc lập.

D. Cải cách và chống phong kiến.

Câu 16: Mục tiêu cứu nước của Phan Châu Trinh

A. Chống Pháp giành độc lập.

B. Dựa Pháp giành độc lập.

C. Chống phong kiến giành độc lập.

D. Cải cách và chống phong kiến.

Câu 17: Trong quá trình vận động cứu nước, Phan Bội Châu đã có mối quan hệ với phong trào yêu nước nào?

A. Phong trào Cần vương.

B. Phong trào nông dân Yên Thế

C. Phong trào chống thuế 1908.

D. Phong trào Hội kín ở Nam Kì.

Câu 18: Tháng 8 – 1908, phong trào Đông du tan rã vì

A. phụ huynh đòi đưa con em về nước trước thời hạn.

B. đã hết thời gian đào tạo, phải về nước.

C. Phan Bội Châu không thấy tác dụng nên đưa học sinh về nước.

D. nhà cầm quyền Pháp cấu kết với Nhật Bản, trục xuất những người yêu nước Việt Nam (kể cả Phan Bội Châu)

Câu 19: Sự chuyển biến nào về mặt tư tưởng đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc trong tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu?

A. từ chính thể quân chủ lập hiến sang thành lập chính thể Cộng hòa.

B. từ chính thể quân chủ chuyên chế sang thành lập chính thể Cộng hòa.

C. Từ chính thể quân chủ lập hiến sang thành lập chính thể Xã hội chủ nghĩa.

D. Từ chính thể quân chủ chuyên chế sang thành lập chính thể Quân chủ lập hiến.

Câu 20: Dựa vào nội dung bảng dưới đây, hãy chọn đáp án đúng về mối quan hệ giứa nhân vật cột bên trái và tổ chức ở cột bên phải

|  |  |
| --- | --- |
| Nhân vật | Tổ chức |
| 1)Phan Bội Châu | a. Cuộc vận động Duy tân ở Trung Kì |
| 2)Phan Chu Trinh | b. Đông Kinh Nghĩa thục |
| 3)Trần Quý Cáp | c. Hội Duy tân |

A. 1c, 2a, 3b.

B. 1b, 2a, 3c.

C. 1a, 2b, 3c.

Câu 21: Hạn chế lớn nhất của Phan Bội Châu trong cuộc vận động cứu nước là

A. Không kết hợp nhiệm vụ dân tộc và dân chủ.

B. Dựa vào Nhật Bản để giành độc lập.

C. Chủ trương không kiên định luôn có sự thay đổi.

D. Chưa nhận thức thấu đáo vần đề lực lượng cách mạng.

Câu 22: Lực lượng nào không có mặt trong cuộc vận động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh

A. Nông dân và công nhân.

B. Văn thân, sĩ phu.

C. Địa chủ phong kiến

D. Phụ nữ và người già.

Câu 23: Điểm giống nhau cơ bản và cũng là hạn chế của Phan Bôi Châu và Phan Châu Trinh trong cuộc vận động cứu nước là

A. Chưa nhận thấy thấu đáo nhiệm vụ cấp thiết của Cách mạng Việt Nam là cần phải kết hợp nhiệm vụ dân tộc và dân chủ.

B. Không nhận thấy được vai trò và sức mạnh của quần chúng nhân dân lao động đặc biệt là công nhân và nông dân.

C. Đều dựa vào thế lực ngoại bang để giành độc lập.

D. Tìm ra con đường cứu nước theo xu hướng dân chủ tư sản.

Câu 24: Điểm giống nhau cơ bản nhất về tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh

A. Xuất phát từ lòng yêu nước và vận động giải phóng dân tộc theo xu hướng dân chủ tư sản.

B. Cả hai đều có tư tưởng bạo động và cải cách.

C. Đều thiết lập vào chế độ Cộng hòa sau khi giành độc lập.

D. Đều dựa vào thế lực Nhật Bản để giành độc lập.

**Bài 24. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CTTG THỨ I(1914-1918)**

Câu 1. Chiến tranh thế giới thứ nhất làm cho nhập khẩu từ Pháp sang Đông Dương

A. giảm hẳn xuống.

B. tăng lên rất nhanh.

C. không tăng, không giảm.

D. ngừng hoạt động.

Câu 2. Trong những năm chiến tranh, chính quyền thuộc địa đã thu được trên 184 triệu phrăng từ

A. nguồn thu công trái.

B. thuế.

C. thương mại giữa Pháp và Việt Nam.

D. xuất khẩu hàng nông sản.

Câu 3. Tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam bị tác động mạnh mẽ trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất là do?

A. Sự cướp bóc ráo riết của thực dân Pháp.

B. Chính quyền thực dân tăng cường khủng bố.

C. Chính phủ Pháp tăng cường đầu tư.

D. Sự vươn lên mạnh mẽ của giai cấp tư sản người Việt.

Câu 4. Doanh nhân người Việt có khả năng cạnh tranh với tư bản Pháp trong lĩnh vực vận tải đường thủy là:

A. Bạch Thái Bưởi.

B. Phạm Văn Phi.

C. Lê Văn Phúc.

D. Nguyễn Tài Bền.

Câu 5. Trong những năm chiến tranh, nông nghiệp nước ta dần thoát được tình trạng

A. độc canh cây lúa.

B. thiếu phân bón hóa học.

C. thiếu đất canh tác.

D. phương tiện sản xuất lạc hậu.

Câu 6. Để tăng cường nguồn lính chiến hay lính thợ trong chiến tranh, thực dân Pháp đã

A. tiến hành bắt lính.

B. kêu gọi mọi người gia nhập quân đội.

C. trả tiền cao để thanh niên hăng hái gia nhập quân ngũ.

D. khuyến khích người dân tăng tỷ lệ sinh.

Câu 7: Việt Nam Quang phục hội là tổ chức do ai sáng lập?

A. Phan Bội Châu.

B. Phan Chu Trinh.

C. Hồ Tùng Mậu.

D. Đỗ Thiết Chân.

Câu 8: phương thức đấu tranh của công nhân trong những năm chiến tranh là sự kết hợp giữa

A. đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế với bạo động vũ trang.

B. đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang.

C. bãi công kết hợp với biểu tình.

D. đưa dân nguyện kết hợp với mít tinh bày tỏ ý kiến.

Câu 9: Năm 1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước tại

A. cảng Nhà Rồng.

B. cảng Hải Phòng.

C. cảng Vũng Áng.

D. vịnh Hạ Long.

Câu 10: Hiện trạng của giai cấp công nhân Việt Nam trong chiến tranh thế giới thứ hai đó là:

A. Số lượng tăng nhanh.

B. Số lượng giảm xuống.

C. Tình trạng thất nghiệp trở nên phổ biến.

D. Mức sống được nâng cao rõ rệt.

Câu 11: Chủ trương cách mạng mà tổ chức Việt Nam Quang phục hội theo đuổi đó là:

A. sử dụng phương thức bạo động.

B. chủ trương bất bạo động.

C. người trước súng sau.

D. tuyên truyền để nhân dân tham gia cách mạng.

Câu 12: tên làng “Kim Liên” – Quê hương của chủ tịch Hồ Chí Minh được hiểu là:

A. Sen vàng.

B. Sen xanh.

C. Sen trắng.

D. Sen hồng.

Câu 13. Điểm hạn chế của phong trào công nhân trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất là:

A. Còn mang tính tự phát.

B. Chưa có nét riêng.

C. Không thể hiện rõ tinh thần đoàn kết.

D. Ý thức kỹ luật còn lỏng lẻo.

Câu 14. Con đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành có sự ảnh hưởng lớn từ cuộc cách mạng nào ?

A. Cách mạng tháng Mười 1917.

B. Cách mạng Tân Hợi 1911.

C. Cách mạng Pháp 1789.

D. Cải cách Minh Trị 1868.

Câu 15. Tình hình xã hội Việt Nam trong những năm chiến tranh tiếp tục phân hóa là do:

A. Những biến động về kinh tế.

B. Sự thay đổi trên chính trường nước Pháp.

C. Chính quyền thực dân muốn các giai cấp, tầng lớp nhân dân Việt Nam sống tốt hơn.

D. Chính sách về giáo dục của Pháp có nhiều thay đổi.

Câu 16. Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp trong chiến tranh đã tác động như thế nào tới nền kinh tế của nước ta?

A. Tất cả các ngành kinh tế đều có nhiều biến động.

B. Làm cho nông nghiệp Việt Nam phát triển nhang chóng.

C. Công nghiệp Việt Nam đã thay đổi hoàn toàn về chất.

D. Kinh tế Việt Nam phát triển rất cân đối.

Câu 17. Tại sao thực dân Pháp lại bỏ thêm vốn vào ngành khai thác mỏ trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Gánh đỡ những tổn thất, thiếu hụt của nước Pháp trong chiến tranh.

B. Vì giá khoáng sản thế giới tăng đột biến.

C. Do các nhà địa chất phát hiện nhiều mỏ mới.

D. Việc vận chuyển khoáng sản thuận lợi hơn trước.

Câu 18. Tại sao nói giai đoạn chiến tranh thế giới thứ nhất là thời kì phong trào cách mạng Việt Nam khủng hoảng về đường lối lãnh đạo?

A. Chưa tìm ra còn đường cứu nước đúng đắn.

B. Có quá nhiều học thuyết cách mạng không biết lựa chọn con đường nào.

C. Có quá ít người tham gia hoạt động cách mạng.

D. Người Việt Nam không được tiếp xúc với thông tin từ thế giới bên ngoài.

Câu 19. Giai cấp tư sản VN sau khi đã có vai trò nhất định trong kinh tế thì họ cũng muốn có:

A. Địa vị chính trị nhất định.

B. Vị trí đứng đầu về kinh tế.

C. Cơ sở hạ tầng thuận lợi.

D. Chính sách thuế của chính quyền được nới lỏng.

Câu 20. Nguyên nhân dẫn đến các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân ta trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Do chính quyền thực dân tăng cường bóc lột nhân dân ta.

B. Ý thức cách mạng của nhân dân lên cao.

C. Ảnh hưởng của các cuộc cách mạng từ bên ngoài.

D. Tinh thần đoàn kết của nhân dân ta ngày càng được nâng lên

Câu 21: Con đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành có gì khác so với các bậc tiền bối.

A. Sang Pháp tìm hiểu nước Pháp để về giúp đồng bào mình chống lại Pháp.

B. Tìm sự trợ giúp của Nhật Bản để chống Pháp.

C. Tìm cách chấn hưng dân khí để đuổi Pháp về nước.

D. Bất hợp tác với Pháp để Pháp tự động rút lui.

Câu 22: Nhận xét của Nguyễn Ái Quốc về bọn đế quốc, thực dân là:

A. Bọn đế quốc, thực dân ở đâu cũng tàn bạo, độc ác.

B. Bọn thực dân ở Việt Nam ác hơn ở châu Phi.

C. Đế quốc, thực dân cũng có người tốt.

D. Vô cảm là bản tính của bọn đế quốc, thực dân.

Câu 23: Tình cảnh chung của người lao động trên thế giới trong lăng kính của Nguyễn Ái Quốc là:

A. Ở đâu cũng bị áp bức và bóc lột dã man.

B. Nhiều nơi được coi trọng.

C. Người lao động ở các nước chính quốc có cuộc sống sung sướng.

D. Người lao động ở đâu cũng chỉ được trả công rẻ mạt.

Câu 24: Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ 1911 – 1918 đóng vai trò như thế nào trong việc xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam?

A. Là cơ sở quan trọng.

B. Là định hướng cơ bản.

C. Chỉ là một nhân tố trong nhiều nhân tố.

D. Đây là giai đoạn quyết định.

Câu 25: Đối với con đường cứu nước của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, thái độ của Nguyễn Ái Quốc là:

A. Rất khâm phục nhưng không tán thành.

B. Rất tán thành và vô cùng khâm phục.

C. Có thái độ thờ ơ vì khẳng định đó là con đường thất bại.

D. Hăng hái tiếp nối con đường mà các bậc tiền bối đã chọn.